

Số: **178**/CV-TCKT

(V/v: Giải trình chênh lệch giữa bc kiểm toán so với bc tài chính đã công bố; lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2024 chênh lệch hơn 10% so với cùng kỳ năm 2023; Các ý kiến kiểm toán ngoại trừ)

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024.

**Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Căn cứ vào Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Sông Đà 6.

Căn cứ Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Công ty cổ phần Sông Đà 6 xin giải trình về việc chênh lệch các chỉ tiêu tài chính sau khi kiểm toán giữa niên độ năm 2024 so với số liệu trên báo cáo tài chính đã được công bố tại thời điểm 30/06/2024 trước khi thực hiện kiểm toán; và lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2024 chênh lệch hơn 10% so với cùng kỳ năm 2023; và các ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên báo cáo tài chính giữa niên độ 2024 đã được kiểm toán, cụ thể như sau:

**A. Giải trình chênh lệch các chỉ tiêu tài chính sau khi kiểm toán giữa niên độ năm 2024 so với số liệu trên báo cáo tài chính đã công bố tại thời điểm 30/06/2024 trước khi thực hiện kiểm toán**

• **Bảng cân đối kế toán ngày 30/06/2024**

TT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số liệu đã công bố	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch số cuối kỳ
			Số cuối kỳ	Số cuối kỳ	
A	B	C	1	2	3=2-1
	<b>TÀI SẢN</b>				
A	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>790.910.526.789</b>	<b>790.883.593.615</b>	<b>(26.933.174)</b>
I	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>360.836.286.009</b>	<b>361.274.752.145</b>	<b>438.466.136</b>
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	383.727.235.302	384.165.701.438	438.466.136
II	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>419.362.066.333</b>	<b>418.896.667.023</b>	<b>(465.399.310)</b>
1	Hàng tồn kho	141	419.362.066.333	418.896.667.023	(465.399.310)
B	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>95.165.599.579</b>	<b>95.123.651.059</b>	<b>(41.948.520)</b>
I	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>40.364.772.517</b>	<b>40.322.823.997</b>	<b>(41.948.520)</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	26.644.966.919	26.603.018.399	(41.948.520)
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(340.964.262.615)	(341.006.211.135)	(41.948.520)
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>886.076.126.368</b>	<b>886.007.244.674</b>	<b>(68.881.694)</b>
	<b>NGUỒN VỐN</b>				
C	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>719.821.499.182</b>	<b>719.866.931.597</b>	<b>45.432.415</b>
I	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>719.771.499.182</b>	<b>719.816.931.597</b>	<b>45.432.415</b>

1	Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	130.964.681.924	131.403.148.060	438.466.136
2	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	2.397.995.810	1.334.364.357	(1.063.631.453)
3	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	260.716.819.476	261.387.417.208	670.597.732
<b>D</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>166.254.627.186</b>	<b>166.140.313.077</b>	<b>(114.314.109)</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>166.254.627.186</b>	<b>166.140.313.077</b>	<b>(114.314.109)</b>
<b>1</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>421</b>	<b>(289.601.322.247)</b>	<b>(289.715.636.356)</b>	<b>(114.314.109)</b>
	- LNST chưa phân phối kỳ này phân phối	421b	(11.844.138.746)	(11.958.452.855)	(114.314.109)
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>886.076.126.368</b>	<b>886.007.244.674</b>	<b>(68.881.694)</b>

• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024

TT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số liệu đã công bố		Chênh lệch
			6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm nay	
A	B	C	1	2	3=2-1
1	Giá vốn hàng bán	11	45.708.429.089	46.215.776.919	507.347.830
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	11.978.031.730	11.470.683.900	(507.347.830)
3	Chi phí tài chính	22	14.329.385.035	14.999.982.767	670.597.732
	<i>Trong đó: Lãi vay phải trả</i>	23	<i>14.329.385.035</i>	<i>14.999.982.767</i>	<i>670.597.732</i>
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(10.967.335.642)	(12.145.281.204)	(1.177.945.562)
5	Thu nhập khác	31	1.909.375.362	2.973.006.815	1.063.631.453
6	Lợi nhuận khác	40	(657.570.036)	406.061.417	1.063.631.453
7	Tổng lợi nhuận trước thuế	50	(11.624.905.678)	(11.739.219.787)	(114.314.109)
8	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	(11.844.138.746)	(11.958.452.855)	(114.314.109)
9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		(341)	(344)	(3)

• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2024

TT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số liệu đã công bố		Chênh lệch
			6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm nay	
A	B	C	1	2	3=2-1
<b>I</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(1.624.905.678)</b>	<b>(11.739.219.787)</b>	<b>(114.314.109)</b>
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	4.568.229.810	4.610.178.330	41.948.520
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.346.213.381)	(1.346.213.381)
-	Chi phí lãi vay	06	14.329.385.035	14.999.982.767	670.597.732
<b>2</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>7.272.709.167</b>	<b>6.524.727.929</b>	<b>(747.981.238)</b>
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.858.210.888	1.419.744.752	(438.466.136)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	30.210.621.296	27.402.925.071	(2.807.696.225)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(32.340.530.649)	(27.891.865.613)	4.448.665.036
-	Tiền lãi vay đã trả	14	(1.133.727.665)	(2.478.062.740)	(1.344.335.075)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>5.608.189.568</b>	<b>4.718.375.930</b>	<b>(889.813.638)</b>
<b>II</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				

1	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1.491.806.850	1.343.750.029	(148.056.821)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>1.494.270.202</i>	<i>1.346.213.381</i>	<i>(148.056.821)</i>
III	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1	Tiền thu từ đi vay	33	11.919.476.673	12.669.024.990	749.548.317
2	Tiền trả nợ gốc vay	34	(19.838.367.275)	(19.777.317.860)	61.049.415
3	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(338.636.363)	(111.363.636)	227.272.727
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(8.257.526.965)</i>	<i>(7.219.656.506)</i>	<i>1.037.870.459</i>

**Nguyên nhân chênh lệch:**

• **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NGÀY 30/06/2024**

**I. Chỉ tiêu 100 - Tài sản ngắn hạn:**

+ Số cuối kỳ giảm: 26.933.174 đồng, do điều chỉnh các chỉ tiêu 130 và chỉ tiêu 131:

1. Chỉ tiêu 130 - Các khoản phải thu ngắn hạn tăng do điều chỉnh các chỉ tiêu 131 – Phải thu ngắn hạn của khách hàng

+ Số cuối kỳ tăng: 438.466.136 đồng

2. Chỉ tiêu 131 – Phải thu ngắn hạn của khách hàng:

+ Số cuối kỳ tăng: 438.466.136 đồng

- Điều chỉnh lại tăng công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng và tăng công nợ phải trả ngắn hạn của khách hàng số tiền: 438.466.136 đồng.

**II. Chỉ tiêu 140 - Hàng tồn kho:**

1. Chỉ tiêu 141 Hàng tồn kho: Do kiểm toán xác định kết chuyển bổ sung giá vốn hàng bán thêm số tiền 465.399.310 đồng:

+ Số cuối kỳ giảm số tiền: 465.399.310 đồng

**III. Chỉ tiêu 220 - Tài sản cố định**

1. Chỉ tiêu 221 – Tài sản cố định hữu hình:

- Số cuối kỳ giảm 41.948.520 đồng: Do điều chỉnh chỉ tiêu 223 – Giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình.

2. Chỉ tiêu 223 – Giá trị hao mòn lũy kế:

- Số cuối kỳ giảm số tiền: 41.948.520 đồng: Do trích bổ sung khấu hao tài sản cố định hữu hình 6 tháng đầu năm 2024.

**IV. Chỉ tiêu 270 – Tổng cộng tài sản**

+ Số cuối kỳ giảm số tiền: 68.881.694 đồng: Do điều chỉnh các chỉ tiêu trên.

**V. Chỉ tiêu 300 - Nợ phải trả**

+ Số cuối kỳ tăng số tiền: 45.432.415 đồng

**VI. Chỉ tiêu 310 – Nợ ngắn hạn**

+ Số cuối kỳ tăng số tiền: 45.432.415 đồng

Chênh lệch do điều chỉnh các chỉ tiêu 311 – Phải trả cho người bán ngắn hạn, chỉ tiêu 315 – Chi phí phải trả ngắn hạn và chỉ tiêu 320 – Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

1. Chỉ tiêu 311 - Phải trả cho người bán ngắn hạn:

+ Số cuối kỳ tăng số tiền: 438.466.136 đồng, do:

- Điều chỉnh lại tăng công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng và tăng công nợ phải trả ngắn hạn của khách hàng số tiền: 438.466.136 đồng.

2. Chỉ tiêu 315 – Chi phí phải trả ngắn hạn

+ Số cuối kỳ giảm số tiền: 1.063.631.453 đồng, do điều chỉnh giảm chi phí phải trả ngắn hạn đã trích trước, đồng thời tăng thu nhập khác.

3. Chỉ tiêu 320 – Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Số cuối kỳ tăng số tiền: 670.597.732 đồng do:

- Xác định bổ sung tiền lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng, đồng thời tăng khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn số tiền: 670.597.732 đồng.

## **VII. Chỉ tiêu 400 – Vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu 421 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

+ Số cuối kỳ giảm số tiền: 114.314.109 đồng do:

- Điều chỉnh các chỉ tiêu 6 tháng đầu năm 2024 làm giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối số tiền: 114.314.109 đồng.

### **• BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**

1. Chỉ tiêu 11 - Giá vốn hàng bán:

+ Lũy kế 6 tháng đầu năm nay chênh lệch tăng số tiền: 507.347.830 đồng, do:

- Kết chuyển bổ sung giá vốn hoạt động xây lắp, đồng thời giảm chi phí dở dang số tiền: 465.399.310 đồng.

- Trích bổ sung khấu hao tài sản cố định, đồng thời tăng giá vốn hàng bán số tiền: 41.948.520 đồng.

2. Chỉ tiêu 20 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ chênh lệch là do điều chỉnh chỉ tiêu 11 trên.

3. Chỉ tiêu 22 - Chi phí tài chính:

+ Lũy kế 6 tháng đầu năm nay chênh lệch tăng số tiền: 670.597.732 đồng, do:

- Hạch toán bổ sung chi phí lãi tiền vay phải trả các tổ chức tín dụng số tiền: 670.597.732 đồng.

4. Chỉ tiêu 23 - Lãi vay phải trả:

+ Lũy kế 6 tháng đầu năm nay chênh lệch tăng số tiền: 670.597.732 đồng, do:

- Hạch toán bổ sung chi phí lãi tiền vay phải trả các tổ chức tín dụng số tiền: 670.597.732 đồng.

5. Chỉ tiêu 30 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: Chênh lệch tăng, giảm là do điều chỉnh các chỉ tiêu 11 và chỉ tiêu 23 trên.

6. Chỉ tiêu 31 – Thu nhập khác:

+ Lũy kế 6 tháng đầu năm nay chênh lệch tăng số tiền 1.063.631.453 đồng, là do điều chỉnh giảm chi phí phải trả ngắn hạn đã trích trước, đồng thời tăng thu nhập khác.

7. Chỉ tiêu 40 – Lợi nhuận khác:

+ Lũy kế 6 tháng đầu năm nay chênh lệch tăng số tiền: 1.063.631.453 đồng, do điều chỉnh chỉ tiêu 31 – Thu nhập khác.

8. Chỉ tiêu 50 – Tổng lợi nhuận trước thuế:

+ Lũy kế 6 tháng đầu năm nay chênh lệch giảm số tiền: 114.314.109 đồng, do điều chỉnh các chỉ tiêu trên.

9. Chỉ tiêu 60 - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp:

+ Lũy kế 6 tháng đầu năm nay chênh lệch giảm số tiền: 114.314.109 đồng, do điều chỉnh các chỉ tiêu trên.

10. Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu giảm là do điều chỉnh các chỉ tiêu tài chính trên.

#### • BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

##### **Nguyên nhân chênh lệch:**

1. Chỉ tiêu 01 - Lợi nhuận trước thuế:

+ Lũy kế 6 tháng đầu năm nay chênh lệch giảm số tiền: 114.314.109 đồng, do điều chỉnh các chỉ tiêu tài chính làm thay đổi kết quả kinh doanh.

2. Chỉ tiêu 02 – Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư:

+ Lũy kế 6 tháng đầu năm nay chênh lệch tăng số tiền: 41.948.520 đồng, do trích bổ sung khấu hao tài sản cố định theo hướng dẫn của kiểm toán.

3. Chỉ tiêu 05 – Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư:

+ Lũy kế 6 tháng đầu năm nay chênh lệch giảm số tiền: 1.346.213.381 đồng, do điều chỉnh lại các khoản lãi, lỗ đầu tư theo ý kiến của kiểm toán.

4. Chỉ tiêu 06 – Chi phí lãi vay:

+ Lũy kế 6 tháng đầu năm nay chênh lệch tăng số tiền: 670.597.732 đồng

- Hạch toán bổ sung chi phí lãi tiền vay phải trả các tổ chức tín dụng số tiền: 670.597.732 đồng.

5. Chỉ tiêu 08 – Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động:

+ Lũy kế 6 tháng đầu năm nay chênh lệch giảm số tiền: 747.981.238 đồng, do điều chỉnh các chỉ tiêu 01, 02, 05 và 06 trên.

6. Chỉ tiêu 09 – Tăng, giảm các khoản phải thu:

+ Lũy kế 6 tháng đầu năm nay chênh lệch giảm số tiền: 438.466.136 đồng, do điều chỉnh lại chỉ tiêu các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.

7. Chỉ tiêu 10 – Tăng, giảm hàng tồn kho:  
+ Lũy kế 6 tháng đầu năm nay chênh lệch giảm số tiền: 2.807.696.225 đồng, do điều chỉnh lại chỉ tiêu hàng tồn kho theo ý kiến kiểm toán.
8. Chỉ tiêu 11 – Tăng, giảm các khoản phải trả:  
+ Lũy kế 6 tháng đầu năm nay chênh lệch tăng số tiền: 4.448.665.036 đồng, do điều chỉnh các chỉ tiêu phải trả cho người bán ngắn hạn, chi phí phải trả ngắn hạn theo ý kiến của kiểm toán.
9. Chỉ tiêu 14 – Tiền lãi vay đã trả:  
+ Lũy kế 6 tháng đầu năm nay chênh lệch giảm số tiền: 1.344.335.075 đồng, do tính toán lại tiền lãi vay đã trả các tổ chức tín dụng theo ý kiến kiểm toán.
10. Chỉ tiêu 20 – Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh:  
+ Lũy kế 6 tháng đầu năm nay chênh lệch giảm số tiền: 889.813.638 đồng, do điều chỉnh các chỉ tiêu trên.
11. Chỉ tiêu 22 – Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác:  
+ Lũy kế 6 tháng đầu năm nay chênh lệch giảm số tiền: 148.056.821 đồng, do điều chỉnh lại theo ý kiến kiểm toán.
12. Chỉ tiêu 30 – Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư:  
+ Lũy kế 6 tháng đầu năm nay chênh lệch giảm số tiền: 148.056.821 đồng, do điều chỉnh chỉ tiêu 22.
13. Chỉ tiêu 33 – Tiền thu từ đi vay:  
+ Lũy kế 6 tháng đầu năm nay chênh lệch tăng số tiền: 749.548.317 đồng, do tính toán điều chỉnh lại theo ý kiến kiểm toán.
14. Chỉ tiêu 34 – Tiền trả nợ gốc vay:  
+ Lũy kế 6 tháng đầu năm nay chênh lệch tăng số tiền: 61.049.415 đồng, do tính toán điều chỉnh lại theo ý kiến kiểm toán.
15. Chỉ tiêu 35 – Tiền trả nợ gốc thuê tài chính:  
+ Lũy kế 6 tháng đầu năm nay chênh lệch tăng số tiền: 227.272.727 đồng, do tính toán điều chỉnh lại theo ý kiến kiểm toán.
16. Chỉ tiêu 40 – Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính:  
+ Lũy kế 6 tháng đầu năm nay chênh lệch tăng số tiền: 1.037.870.459 đồng, do điều chỉnh lại các chỉ tiêu 33, 34 và chỉ tiêu 35.

**B. Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2024 chênh lệch hơn 10% so với 6 tháng đầu năm 2023:**

Một số chỉ tiêu như sau:

STT	Chỉ tiêu	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2023	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024	Tỷ lệ
A	B	1	2	3=2/1
1	Tổng doanh thu	59.256.658.417	60.661.930.986	102%
2	Tổng chi phí	93.731.807.260	72.401.150.773	77%
3	Lợi nhuận trước thuế	(34.475.148.843)	(11.739.219.787)	34%
4	Lợi nhuận sau thuế	(34.475.148.843)	(11.958.452.855)	35%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2024 tăng 65% so với cùng kỳ năm 2023, nguyên nhân là do:

- Trong những năm vừa qua tình hình tài chính của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, Công ty thiếu việc làm. Trong khi đó các chủ đầu tư thiếu nguồn vốn thanh toán nên ảnh hưởng đến công tác thu hồi công nợ tồn đọng của Sông Đà 6, phát sinh các khoản tiền lãi chậm trả cho các tổ chức tín dụng, làm tăng chi phí tài chính nên ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh.

- Công tác nghiệm thu quyết toán các công trình bị chậm trễ, làm ảnh hưởng đến công tác thu hồi công nợ, ảnh hưởng đến nguồn vốn thanh toán của Công ty cũng như trả nợ đến hạn cho các tổ chức tín dụng.

- Trong 6 tháng đầu năm 2024 do chậm trả nợ đến hạn các tổ chức tín dụng nên đã phát sinh các khoản tiền lãi chậm trả quá hạn, làm ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ngoài ra, do chưa thu xếp được về nguồn vốn vay trung hạn nên Chủ đầu tư Công trình thủy điện Hạ Sê Kông A tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đã tạm dừng thi công, làm ảnh hưởng đến kế hoạch doanh thu của Công ty, đồng thời phát sinh các khoản chi phí ngoài dự kiến.

- Công ty cũng đã chấm dứt hợp đồng thi công tại Công trình thủy điện Đăk Mi 1 với Tổng công ty xây dựng Bạch Đằng – CTCP kể từ tháng 01/2024.


### C. Giải trình các ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên BCTC kiểm toán năm 2023:

1. Đối với các khoản công nợ phải thu khách hàng, Sông Đà 6 thường xuyên liên hệ, lập biên bản đối chiếu công nợ và đơn đốc thu hồi công nợ. Tuy nhiên một số khách hàng không thiện chí đã không ký thư xác nhận công nợ theo đề nghị của đơn vị kiểm toán, do vậy tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm tài chính kế thúc ngày 31/12/2024 và tại ngày 01/01/2024, đơn vị kiểm toán không thu thập được đầy đủ các thư xác nhận đã gửi cho khách hàng của Sông Đà 6. Do vậy đơn vị kiểm toán đã nêu ý kiến ngoại trừ cho vấn đề đánh giá khả năng thu hồi đối với các khoản công nợ phải thu khách hàng của Sông Đà 6.

2. Tại ngày 30/06/2024, Công ty chưa thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ đối với khoản công nợ phải thu có gốc ngoại tệ đối với Sekong A Downstream Hydropower Co.,LTD do Công ty đang đàm phán kế hoạch thi công trở lại, đồng thời đề nghị khách hàng thanh toán khoản chi phí phát sinh do tạm dừng thi công Công trình thủy điện Hạ Sekong A tại Lào. Sau khi thống nhất các khoản bồi thường do tạm dừng thi công, đồng thời triển khai thi công trở lại Công ty sẽ xem xét đánh giá lại chênh lệch tỷ giá ngoại tệ vào 6 tháng cuối năm 2024. Do đó kiểm toán đã nêu ý kiến ngoại trừ cho vấn đề đã nêu.

**Trân trọng!**

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu TCKT, VP. 

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Lê Tiên Chủ*